

LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP

I. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Tên văn bản	Luật số 67/2025/QH15 của Quốc hội ban hành ngày 14/6/2025 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp
2. Văn bản thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 ngày 03/6/2008 Thay thế Luật thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi năm 2013 ngày 19/6/2013
3. Thời điểm có hiệu lực	01/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 quy định phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:</p> <p>(1) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tính thuế được tính bằng thu nhập tính thuế nhân với thuế suất, trừ trường hợp quy định tại khoản (2).</p> <p>(2) Chính phủ quy định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025; đối tượng thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế, thời điểm và cách xác định doanh thu tính thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam; - Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 trong trường hợp xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025) mà các đơn vị

	<p>này hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh.</p> <p>Quy định về kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>Theo đó, kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính do doanh nghiệp lựa chọn, trừ trường hợp quy định tại bên dưới. Trường hợp doanh nghiệp lựa chọn năm tài chính khác với năm dương lịch thì thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi thực hiện.</p> <p>Kỳ tính thuế đối với doanh nghiệp quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.</p>
II. Nghị định 236/2025/NĐ-CP	
1. Tên văn bản	Nghị định 236/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/8/2025 quy định chi tiết một số điều của nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Không
3. Thời điểm có hiệu lực	15/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quy định nguyên tắc áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn như sau:</p> <p>[1] Đơn vị hợp thành hoặc tập hợp các đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia là người nộp thuế theo quy định tại Điều 3 Nghị định 236/2025 có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam và có nơi cư trú tại Việt Nam được xác định theo quy định tại Mục I Phụ lục II phải áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (sau đây viết tắt là QDMTT).</p> <p>[2] Trường hợp tập đoàn đa quốc gia có nhiều hơn một đơn vị hợp thành tại Việt Nam thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có trách nhiệm xác định nghĩa vụ theo quy định về QDMTT cho tất cả các đơn vị</p>

	<p>hợp thành tại Việt Nam của tập đoàn đa quốc gia đó.</p> <p>Tập đoàn đa quốc gia có các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tự quyết định việc phân bổ thuế bổ sung phải nộp theo QDMTT giữa các đơn vị hợp thành tại Việt Nam và kê khai thông tin số thuế phân bổ tại Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (Mẫu số 01/TNDN-QDMTT) ban hành kèm theo Nghị định 236/2025.</p> <p>[3] Quy định về QDMTT không áp dụng đối với đơn vị hợp thành không xác định được quốc gia hoặc vùng lãnh thổ (sau đây gọi chung là nước) nơi cư trú, cơ sở thường trú không xác định được nước nơi cư trú và đơn vị đầu tư.</p> <p>Đơn vị hợp thành không xác định được nước nơi cư trú quy định tại điểm 1.2 Mục I Phụ lục II, cơ sở thường trú không xác định được nước nơi cư trú quy định tại điểm 2.4 Mục I Phụ lục II, đơn vị đầu tư được quy định tại điểm 10.1 Mục III Phụ lục II.</p> <p>[4] Năm tài chính áp dụng QDMTT được xác định theo năm tài chính của công ty mẹ tối cao trừ trường hợp quy định tại điểm 15 Mục II Phụ lục II.</p>
--	--

III. Thông tư 83/2025/TT-BTC

1. Tên văn bản	Thông tư 83/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/8/2025 về việc bãi bỏ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty nhà nước
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Bãi bỏ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty nhà nước
3. Thời điểm có hiệu lực	01/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	

LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

I. Nghị định 232/2025/NĐ-CP

1. Tên văn bản	Nghị định 232/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 26/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng
3. Thời điểm có hiệu lực	10/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Trách nhiệm của các tổ chức được phép sản xuất, kinh doanh mua, bán vàng miếng từ 10/10/2025 như sau:</p> <p>(1) Chỉ được phép sản xuất, kinh doanh mua, bán loại vàng miếng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 24/2012/NĐ-CP.</p> <p>(2) Chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, lập và sử dụng hóa đơn chứng từ.</p> <p>(3) Ngoài các quy định tại khoản (1), (2) và (5), doanh nghiệp, ngân hàng thương mại sản xuất vàng miếng có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công bố tiêu chuẩn áp dụng, khối lượng, hàm lượng của sản phẩm theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn khối lượng, hàm lượng sản phẩm đã sản xuất đúng với tiêu chuẩn khối lượng, hàm lượng đã công bố; - Chịu hoàn toàn trách nhiệm về sản phẩm vàng miếng do mình sản xuất, bảo hành sản phẩm vàng miếng cho khách hàng theo quy định pháp luật; lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu vàng miếng được sản xuất; - Xây dựng hệ thống thông tin xử lý, lưu trữ dữ liệu vàng miếng được sản xuất có những nội dung cơ bản bao gồm thông tin nguyên liệu đầu vào, thời gian sản xuất, sản phẩm đầu ra; thực hiện kết nối cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. <p>(4) Ngoài các quy định tại khoản (1), (2) và (5), doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Niêm yết công khai giá mua, giá bán vàng miếng tại địa điểm giao dịch hoặc trên trang thông tin điện tử và kết nối cung cấp thông tin về mức giá niêm yết cho Ngân hàng Nhà nước; - Không được phép thực hiện kinh doanh vàng miếng thông qua các đại

	<p>lý ủy nhiệm;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có biện pháp và trang thiết bị bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh; - Xây dựng quy định nội bộ về mua, bán vàng miếng, trong đó quy định rõ quy trình giao dịch mua, bán vàng miếng với khách hàng; công bố công khai thông tin về quyền và nghĩa vụ của khách hàng trên trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp hoặc niêm yết công khai tại trụ sở giao dịch; lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu giao dịch mua bán vàng miếng; - Xây dựng hệ thống thông tin xử lý, lưu trữ dữ liệu giao dịch mua bán vàng miếng có những nội dung cơ bản bao gồm thông tin căn cước đối với cá nhân, mã số thuế doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, khối lượng và giá trị giao dịch của bên mua, bán; thực hiện kết nối cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. <p>(5) Tuân thủ các quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP và các quy định của pháp luật khác có liên quan.</p>
--	---

II. Nghị định 247/2025/NĐ-CP

1. Tên văn bản	Nghị định 247/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	<p>Sửa đổi, bổ sung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 171/2016/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 27/12/2016 về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển - Nghị định số 86/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 23/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển
3. Thời điểm có hiệu lực	30/10/2025

<p>4. Nội dung chính lưu ý</p>	<p>Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 247/2025 sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 3 Nghị định 171/2016 quy định cách xác định tuổi của tàu biển.</p> <p>Theo đó, tuổi của tàu biển được tính bằng số năm và bắt đầu từ ngày bàn giao tàu biển.</p> <p>Ngày bàn giao tàu biển là ngày hoàn thành cuộc kiểm tra lần đầu trước khi tàu được đưa vào sử dụng làm cơ sở cho việc cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và được ghi trên các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật đó.</p> <p><i>(Theo quy định hiện hành, tuổi của tàu biển được tính bằng số năm và bắt đầu từ ngày đặt sống chính của tàu. Trường hợp không xác định được ngày đặt sống chính thì tính từ ngày việc lắp ráp thân vỏ tàu đạt được 50 tấn khối lượng hoặc bằng 01% khối lượng toàn bộ ước tính của số vật liệu sử dụng làm thân vỏ tàu biển, lấy trị số nào nhỏ hơn.)</i></p>
---------------------------------------	--

LĨNH VỰC TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

I. Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2025

<p>1. Tên văn bản</p>	<p>Luật số 96/2025/QH15 của Quốc hội ban hành ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng</p>
<p>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Luật số 32/2024/QH15 của Quốc hội ban hành ngày 18/01/2024 Luật Các tổ chức tín dụng</p>
<p>3. Thời điểm có hiệu lực</p>	<p>15/10/2025</p>
<p>4. Nội dung chính lưu ý</p>	<p>Điều kiện áp dụng thu giữ tài sản bảo đảm của ngân hàng từ 15/10/2025</p> <p>Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2025 bổ sung điều 198a vào sau Điều 198 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>(i) Khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều</p>

299 của Bộ luật Dân sự

(ii) Hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

(iii) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

(iv) Tài sản bảo đảm không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản;

(v) Tài sản bảo đảm được thu giữ phải đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ;

(vi) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định như sau:

- Chậm nhất 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải thực hiện thủ tục công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây:

+ Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình;

+ Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có tài sản bảo đảm;

+ Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm;

+ Thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) theo phương thức thông báo đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm.

Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông

báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp.

Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

- Trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải thực hiện thủ tục công khai thông tin về tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây:

- + Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình;
- + Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm;
- + Thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) theo phương thức thông báo đã thoả thuận tại hợp đồng bảo đảm.

Trường hợp không có thoả thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp.

Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

II. Thông tư 24/2025/TT-NHNN

1. Tên văn bản	Thông tư 24/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 29/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2024/TT-NHNN quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Hồ sơ, thủ tục thu hồi giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2023/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giám sát tiêu hủy tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. Thời điểm có hiệu lực	15/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng đại diện nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ và nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có) hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực. Hồ sơ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động, trong đó nêu rõ lý do đề nghị chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện nước ngoài, việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu sau khi thu hồi Giấy phép, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép; + Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài. Bên cạnh đó, tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều 22 Thông tư 63/2024 quy định thời hạn xử lý hồ sơ thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Thông tư 63/2024 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Thông tư 24/2025), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh: <ul style="list-style-type: none"> + Có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện nước ngoài, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật; hoặc + Có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài báo cáo, giải trình

	<p>các nội dung có liên quan (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, văn phòng đại diện nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo, giải trình quy định tại điểm b(ii) khoản 1 Điều 22 Thông tư 63/2024; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của văn phòng đại diện nước ngoài quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Thông tư 63/2024, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện theo quy định tại điểm b(i) khoản 1 Điều 22 Thông tư 63/2024.
III. Thông tư số 23/2025/TT-NHNN	
1. Tên văn bản	Thông tư số 23/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 12/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2019/TT-NHNN ngày 27/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về thực hiện dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 30/2019/TT-NHNN ngày 27/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về thực hiện dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
3. Thời điểm có hiệu lực	01/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư 30/2019/TT-NHNN về giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc như sau:</p> <p>(1) Tổ chức tín dụng hỗ trợ quy định tại khoản 39 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 (sau đây gọi là tổ chức tín dụng hỗ trợ) được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi là phương án phục hồi đã được phê duyệt).</p> <p>(2) Tổ chức tín dụng là bên nhận chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng 2024 (sau đây gọi là tổ chức tín dụng nhận chuyển giao) được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi là phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt).</p>

	<p>(3) Mức giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với từng tổ chức tín dụng quy định tại (1) và (2) được tính trên cơ sở tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tín dụng đó quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 30/2019 và áp dụng đối với tất cả các loại tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc.</p> <p>(Trong khi đó, tại Điều 7 Thông tư 30/2019 quy định: Tổ chức tín dụng hỗ trợ quy định tại khoản 40 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung 2017) được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tín dụng đó quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 30/2019 đối với tất cả các loại tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc theo phương án phục hồi đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 7 Điều 148đ Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung 2017)).</p>
--	---

IV. Quyết định số 2977/QĐ-NHNN

1. Tên văn bản	Quyết định số 2977/QĐ-NHNN của Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 12/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1158/QĐ-NHNN ngày 29/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam về tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1158/QĐ-NHNN ngày 29/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam về tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
3. Thời điểm có hiệu lực	10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	1. Bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 1 Quyết định số 1158/QĐ-NHNN. 2. Thay thế cụm từ “Tổ chức tín dụng khác (ngoài tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều này)” bằng cụm từ “Tổ chức tín dụng khác” tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1158/QĐ-NHNN.

V. Quyết định số 3137/QĐ-NHNN

1. Tên văn bản	Quyết định số 3137/QĐ-NHNN của Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 12/9/2025 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng nhà nước Việt Nam
-----------------------	---

2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 24/2025/TT-NHNN ngày 29 tháng 8 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng
3. Thời điểm có hiệu lực	15/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	
VI. Thông tư 81/2025/TT-BTC	
1. Tên văn bản	Thông tư 81/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 13/8/2025 quy định về quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán của kho bạc nhà nước mở tại ngân hàng nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Thông tư số 58/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng tài khoản của Kho bạc nhà nước mở tại ngân hàng nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại
3. Thời điểm có hiệu lực	01/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quy định về quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước tại NHNN Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kho bạc Nhà nước (Trung ương) mở 01 tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam (VND) và 01 tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (theo loại ngoại tệ phát sinh) tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. - Tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước (Trung ương) tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi ngân quỹ nhà nước; giao dịch điều hành số dư tài khoản (chuyển tiền giữa các tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước) để đảm bảo khả năng thanh toán của Kho bạc Nhà nước; giao dịch sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi, xử lý ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt. - Kho bạc Nhà nước thanh toán qua tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước (Trung ương) tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của Thông tư 08/2024/TT-NHNN quy định về việc

	<p>quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia.</p> <p>Bên cạnh đó, nhiệm vụ và quyền hạn của Kho bạc Nhà nước trong quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước từ 01/10/2025 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc Kho bạc Nhà nước quyết định ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản thanh toán (tài khoản thanh toán để thu, chi ngân quỹ nhà nước hoặc để thu ngân quỹ nhà nước), đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Thông tư 81/2025/TT-BTC. - Thực hiện quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước (Trung ương) và các Kho bạc Nhà nước khu vực theo quy định tại Thông tư này. Định kỳ hàng năm, đánh giá ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 và Điều 8 Thông tư 81/2025/TT-BTC <p>Trường hợp ngân hàng thương mại không còn đáp ứng quy định, thì thực hiện đóng tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng thương mại đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành, công bố yêu cầu nghiệp vụ và đặc tả kỹ thuật thanh toán song phương điện tử theo mô hình tài khoản thanh toán phân tán và mô hình tài khoản thanh toán tập trung trên Cổng thông tin điện tử của Kho bạc Nhà nước. - Chia sẻ và cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu điện tử danh mục tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng và danh sách ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản thanh toán cho cơ quan thuế, cơ quan hải quan; đồng thời, công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Kho bạc Nhà nước và Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
--	--

LĨNH VỰC BẢO HIỂM

I. Thông tư 90/2025/TT-BQP

1. Tên văn bản	Thông tư 90/2025/TT-BQP của Bộ Quốc phòng ban hành ngày 19/8/2025 hướng dẫn thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân
-----------------------	---

2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Không
3. Thời điểm có hiệu lực	02/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Điều kiện hưởng trợ cấp một lần khi sinh con đối với sĩ quan quân đội:</p> <p>Khoản 4 Điều 9 Thông tư 90/2025/TT-BQP thì điều kiện hưởng trợ cấp một lần khi sinh con, nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận con nuôi dưới 06 tháng tuổi thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 và hướng dẫn như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp chỉ có người cha tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc hoặc cả cha và mẹ cùng tham gia BHXH bắt buộc nhưng người mẹ không đủ điều kiện để hưởng chế độ thai sản khi sinh con thì người cha đã đóng BHXH từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi người mẹ sinh con được trợ cấp một lần; - Trường hợp người mẹ nhờ mang thai hộ và người mang thai hộ không tham gia BHXH bắt buộc hoặc có tham gia BHXH bắt buộc nhưng không đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản, thì chồng của người mẹ nhờ mang thai hộ đã đóng BHXH bắt buộc từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm nhận con được trợ cấp một lần; - Trường hợp người mang thai hộ, người mẹ nhờ mang thai hộ và người chồng của người mẹ nhờ mang thai hộ không tham gia BHXH bắt buộc hoặc không đủ điều kiện thì người chồng của người mang thai hộ đã đóng BHXH bắt buộc từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm người mang thai hộ sinh con được trợ cấp một lần.
II. Thông tư 81/2025/TT-BCA	
1. Tên văn bản	Thông tư 81/2025/TT-BCA của Bộ Công an ban hành ngày 29/8/2025 quy định biện pháp thực hiện bảo hiểm y tế đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ và học viên công an nhân dân
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Thông tư số 43/2016/TT-BCA ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biện pháp thực hiện bảo hiểm y tế đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân
3. Thời điểm có	13/10/2025

hiệu lực	
<p>4. Nội dung chính lưu ý</p>	<p>Quy định mức đóng, trách nhiệm đóng, phương thức đóng BHYT trong Công an nhân dân như sau:</p> <p>(1) Mức đóng bảo hiểm y tế hằng tháng của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 81/2025 thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 70/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bằng 4,5% tiền lương tháng đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư 81/2025; + Bằng 4,5% mức tham chiếu đối với các đối tượng quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 2 Thông tư 81/2025; + Bằng 4,5% mức tham chiếu khi đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư 81/2025 nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng hoặc khi nghỉ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. <p>(2) Ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 81/2025 theo phân cấp ngân sách hiện hành. Khi Chính phủ điều chỉnh mức đóng bảo hiểm y tế, điều chỉnh mức tham chiếu thì số tiền ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế được điều chỉnh kể từ ngày áp dụng mức đóng bảo hiểm y tế mới, mức tham chiếu mới.</p> <p>(3) Trước ngày cuối cùng của tháng đầu mỗi quý, Công an đơn vị, địa phương thực hiện chuyển đủ kinh phí đóng bảo hiểm y tế của quý trước cho cán bộ, chiến sĩ vào tài khoản chuyên thu bảo hiểm y tế của Cục Kế hoạch và tài chính. Chậm nhất ngày 15 tháng 12 hằng năm, Công an đơn vị, địa phương phải thực hiện xong việc đóng bảo hiểm y tế của năm đó.</p> <p>(4) Chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hằng năm, Cục Kế hoạch và tài chính tổng hợp số tiền đóng bảo hiểm y tế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư 81/2025 báo cáo Bảo hiểm xã hội Việt Nam đảm bảo kinh phí đóng bảo hiểm y tế.</p> <p>(5) Đối tượng quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư 81/2025 được cử đi học tập hoặc công tác tại nước ngoài từ trên 14 ngày làm việc trong tháng trở lên thì không phải đóng bảo hiểm y tế, thời gian công tác, học tập ở nước ngoài được tính là thời gian tham gia bảo hiểm y tế.</p>

	<p>(6) Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư 81/2025 được nghỉ phép, nghỉ hè hoặc nghỉ để điều trị bệnh tại Việt Nam được cấp thẻ bảo hiểm y tế với thời hạn sử dụng được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 5 Thông tư 81/2025 và do ngân sách nhà nước đóng theo mức quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 81/2025.</p>
<p>III. Thông tư 98/2025/TT-BQP</p>	
<p>1. Tên văn bản</p>	<p>Thông tư số 98/2025/TT-BQP của Bộ Quốc phòng ban hành ngày 03/9/2025 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng</p>
<p>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Thay thế Thông tư số 143/2020/TT-BQP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng</p>
<p>3. Thời điểm có hiệu lực</p>	<p>16/10/2025</p>
<p>4. Nội dung chính lưu ý</p>	<p>Sửa đổi Điều 10 Thông tư 19/2018/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 08/2024/TT-BGTVT quy định về công nhận, công nhận lại, ban hành lại và thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên như sau:</p> <p>(1) Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá, công nhận đăng kiểm viên; công nhận lại đăng kiểm viên khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực; ban hành lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên khi bị sai sót thông tin trên Quyết định, khi bị mất, hư hỏng Quyết định, khi bị thu hồi Quyết định.</p> <p>(2) Quyết định công nhận, công nhận lại đăng kiểm viên có thời hạn 05 (năm) năm. Trong thời hạn 03 (ba) tháng trước khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực hoặc khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, có sai sót thông tin, đăng kiểm viên có trách nhiệm báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá để công nhận lại đăng kiểm viên hoặc ban hành lại Quyết định</p>

	<p>công nhận đăng kiểm viên theo quy định tại khoản (1).</p> <p>(3) Đăng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên đối với một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(i) Vi phạm các quy định hiện hành khi thực thi công vụ với mức độ bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;</p> <p>(ii) Có hành vi tiêu cực, sách nhiễu, cố ý gây khó khăn cho khách hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ.</p> <p>(Sửa đổi trường hợp “Không được thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiếp tục giao nhiệm vụ đăng kiểm viên.”)</p> <p>(4) Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên đối với các trường hợp quy định tại khoản (3), thông báo đến đăng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên và các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Đăng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên chỉ được cấp lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên tối thiểu 06 (sáu) tháng kể từ ngày thu hồi.</p>
--	---

LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

I. Thông tư 24/2025/TT-BXD

1. Tên văn bản	Thông tư số 24/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành ngày 29/8/2025 hướng dẫn một số thông tin chi tiết trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Không
3. Thời điểm có hiệu lực	15/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Mã số thông tin dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng được quy định cụ thể như sau:</p> <p>- Mã số dữ liệu dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng là một dãy gồm 13 ký tự số.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - 02 ký tự đầu tiên thể hiện mã số đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi thực hiện dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng theo Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 24/2025. - 02 ký tự tiếp theo thể hiện hai số cuối của năm dự án, công trình được thẩm định hoặc cấp giấy phép xây dựng. - 01 ký tự tiếp theo thể hiện loại dự án như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Số không “0” thể hiện loại công trình không phải lập dự án đầu tư xây dựng; + Số một “1” thể hiện loại dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng; + Số hai “2” thể hiện loại dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp; + Số ba “3” thể hiện loại dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; + Số bốn “4” thể hiện loại dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; + Số năm “5” thể hiện loại dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; + Số sáu “6” thể hiện loại dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp. - 01 ký tự tiếp theo thể hiện trình tự thủ tục như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Số một “1” thể hiện dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; + Số hai “2” thể hiện thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở có yêu cầu thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; + Số ba “3” thể hiện công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng. - 05 ký tự tiếp theo thể hiện dãy số ngẫu nhiên. - 02 ký tự tiếp theo thể hiện số lần thực hiện điều chỉnh thiết kế.
--	--

II. Quyết định 2919/QĐ-BYT

1. Tên văn bản	Quyết định 2919/QĐ-BYT ngày 15/9/2025 của Bộ Y tế về việc ban hành quy định thông điệp dữ liệu giấy chứng sinh và quy định chuẩn, định dạng dữ liệu điện tử giấy chứng sinh
2. Văn bản bị thay thế/Sửa	Thay thế Quyết định 1898/QĐ-BYT ngày 09/6/2025 của Bộ Y tế về quy định chuẩn và định dạng dữ liệu điện tử Giấy chứng sinh

đổi, bổ sung	
3. Thời điểm có hiệu lực	01/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	
LĨNH VỰC GIAO THÔNG – VẬN TẢI	
I. Thông tư 21/2025/TT-BXD	
1. Tên văn bản	Thông tư 21/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành ngày 21/7/2025 ban hành mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công thông tin chuyên hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	
3. Thời điểm có hiệu lực	01/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Hướng dẫn áp dụng các định mức chi phí cho dịch vụ sự nghiệp công Thông tin chuyên hải sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng như sau:</p> <p>(1) Chi phí sản xuất chung</p> <p>Chi phí sản xuất chung của các Đài thuộc Hệ thống Thông tin chuyên hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là các Đài) gồm các chi phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí nhân viên tại các Đài (lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ): tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên tại các Đài theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan; - Chi phí vật tư dùng để sửa chữa tài sản cố định, dùng cho công tác quản lý của các Đài; - Chi phí mua phụ tùng thay thế cho thiết bị của các Đài; - Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động của các Đài; - Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động của các Đài như: chi phí điện, nước, điện thoại; chi phí bảo dưỡng, chi phí sửa chữa tài sản cố định (máy móc, trang thiết bị, nhà cửa, vật kiến trúc và các công trình phụ trợ); chi phí sửa chữa phương tiện vận tải; tiền thuê tài sản cố định;

	<p>chi phí trả cho nhà thầu (nếu có); chi phí mua ngoài khác (nếu có);</p> <ul style="list-style-type: none">- Chi phí bằng tiền hợp lý, hợp lệ khác theo quy định của pháp luật ngoài các chi phí đã nêu trên phục vụ cho hoạt động của các Đài. <p>(2) Chi phí quản lý</p> <p>Chi phí quản lý của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công Thông tin duyên hải gồm các chi phí:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chi phí nhân viên quản lý (lao động quản lý doanh nghiệp, lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ): tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan;- Chi phí vật tư dùng cho công tác quản lý, vật tư sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ;- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ;- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trong văn phòng và tài sản khác;- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý; tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có);- Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật;- Chi phí bằng tiền khác thuộc quản lý chung, ngoài các chi phí nêu trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, nghiên cứu, đào tạo, hợp tác quốc tế, chi nộp phí tham gia hiệp hội và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có) theo quy định pháp luật.
--	--

II. Thông tư 76/2025/TT-BCA

1. Tên văn bản	Thông tư 76/2025/TT-BCA của Bộ Công an ban hành ngày 20/08/2025 quy định quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của cảnh sát đường thủy
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Thông tư 36/2023/TT-BCA ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm của cảnh sát đường thủy
3. Thời điểm có hiệu lực	10/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quyền hạn của cán bộ tuần tra, kiểm soát trên đường thủy được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được dùng phương tiện để kiểm tra, kiểm soát theo quy định. - Kiểm soát việc thực hiện các quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng và tổ chức các hoạt động trên đường thủy; điều kiện hoạt động của phương tiện; điều kiện hoạt động của thuyền viên và người lái phương tiện; quy tắc giao thông và tín hiệu phương tiện; hoạt động quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; vận tải đường thủy và các hoạt động khác có liên quan đến an ninh, trật tự trên đường thủy theo quy định. - Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm hành chính trên đường thủy và các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật. - Được yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phối hợp, hỗ trợ giải quyết tai nạn giao thông, ùn tắc, cản trở giao thông hoặc trường hợp khác gây mất trật tự, an toàn giao thông, trật tự xã hội trên đường thủy. - Được sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và phương tiện, thiết bị kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật. - Trong trường hợp cấp bách để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội hoặc để ngăn chặn hậu quả thiệt hại cho xã hội đang xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra, cán bộ đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát có quyền huy động phương tiện giao thông, phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân và người đang điều khiển, sử dụng phương tiện đó. Việc huy động được thực hiện dưới hình thức yêu cầu trực tiếp hoặc bằng văn bản. - Tạm dừng hoạt động của người và phương tiện đi lại ở một số tuyến đường thủy nhất định; kiến nghị tạm dừng hoạt động của người và

	<p>phương tiện ở vùng nước cảng biển và luồng hàng hải ngoài vùng nước cảng biển nơi phương tiện thủy nội địa được phép hoạt động; điều tiết giao thông, phân luồng, bố trí nơi tạm dừng hoặc neo đậu phương tiện khi xảy ra ùn tắc giao thông hoặc có yêu cầu cần thiết khác về bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>- Được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, hình ảnh có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy.</p> <p>- Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.</p>
III. Thông tư 23/2025/TT-BXD	
1. Tên văn bản	Thông tư 23/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành ngày 28/8/2025 quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Không
3. Thời điểm có hiệu lực	24/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 23/2025.</p> <p>Trong đó, tại tiểu mục 3 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 23/2025 quy định về quy trình kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới như sau:</p> <p>(1) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, đăng ký kiểm định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; - Tra cứu dữ liệu, thông báo cảnh báo; - Kiểm tra, đánh giá hồ sơ, đối chiếu xe thực tế với giấy tờ về đăng ký xe; - Lập phiếu kiểm soát kiểm định; - Thu giá dịch vụ kiểm định; - Đăng ký kiểm định trên phần mềm quản lý kiểm định; chuyển hồ sơ cho bộ phận kiểm định; - Chụp ảnh xe để in trên phiếu kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định, lưu hồ sơ phương tiện. <p>(2) Kiểm tra các công đoạn trên dây chuyền</p>

	<p>Việc kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới phải được thực hiện đầy đủ các hạng mục quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trong kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; thực hiện theo 05 công đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công đoạn 1: kiểm tra nhận dạng, tổng quát; - Công đoạn 2: kiểm tra phần trên của phương tiện; - Công đoạn 3: kiểm tra hiệu quả phanh và trượt ngang; - Công đoạn 4: kiểm tra môi trường; - Công đoạn 5: kiểm tra phần dưới của phương tiện. <p>(3) Kiểm tra in, trả kết quả và lưu trữ hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tổng hợp kết quả kiểm định; - Soát xét, in và ký phiếu kiểm định; - In, ký, đóng dấu thông báo; thông báo hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng cho chủ xe (nếu có); chuyển hồ sơ cho bộ phận văn phòng; - In giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định và trình lãnh đạo ký duyệt; - Nhập nội dung không đạt vào trang thông tin điện tử của Cục ĐKVN (đối với trường hợp xe không đạt); - Soát xét, ký giấy chứng nhận kiểm định; chuyển hồ sơ cho bộ phận văn phòng; - Thu lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định; - Đóng dấu của cơ sở đăng kiểm vào giấy chứng nhận kiểm định, mặt sau của tem kiểm định và dán phủ băng keo trong lên trang 01, 02 và 03 của giấy chứng nhận kiểm định; photo, lưu trữ hồ sơ theo quy định; - In hóa đơn thu giá dịch vụ kiểm định, lệ phí cấp giấy chứng nhận; - Ghi sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định; trả hóa đơn, giấy chứng nhận kiểm định, các giấy tờ liên quan cho chủ xe; - Dán tem kiểm định cho xe cơ giới; thu hồi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định cũ để hủy.
--	---

IV. Nghị định 247/2025/NĐ-CP

1. Tên văn bản	Nghị định 247/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Nghị định 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 sửa đổi Nghị định 171/2016/NĐ-CP về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển

3. Thời điểm có hiệu lực	30/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 247/2025 sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 3 Nghị định 171/2016 quy định cách xác định tuổi của tàu biển.</p> <p>Ngày bàn giao tàu biển là ngày hoàn thành cuộc kiểm tra lần đầu trước khi tàu được đưa vào sử dụng làm cơ sở cho việc cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và được ghi trên các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật đó.</p> <p><i>(Theo quy định hiện hành, tuổi của tàu biển được tính bằng số năm và bắt đầu từ ngày đặt sóng chính của tàu. Trường hợp không xác định được ngày đặt sóng chính thì tính từ ngày việc lắp ráp thân vỏ tàu đạt được 50 tấn khối lượng hoặc bằng 01% khối lượng toàn bộ ước tính của số vật liệu sử dụng làm thân vỏ tàu biển, lấy trị số nào nhỏ hơn.)</i></p>

LĨNH VỰC GIÁO DỤC

I. Thông tư 16/2025/TT-BGDĐT

1. Tên văn bản	Thông tư 16/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 27/8/2025 quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 quy định về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục
3. Thời điểm có hiệu lực	12/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quy định về chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài là văn bản xác nhận kết quả thi năng lực ngoại ngữ do đơn vị cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (là cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ nước ngoài có trách nhiệm và thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài) cấp cho người dự thi. Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài không phải là chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân. - Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài không bao gồm chứng chỉ đánh giá năng lực học tập các môn học khác bằng tiếng nước ngoài hoặc chứng chỉ đánh giá năng lực trong lĩnh vực chuyên môn để hành nghề bằng tiếng nước ngoài. - Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài được công nhận hợp pháp ở nước sở tại khi được cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép tổ chức thi cấp chứng chỉ; hoặc được sử dụng để xét duyệt hồ sơ

	<p>nhập cư, nhập quốc tịch, cấp thị thực nhập cảnh cho công dân các nước có nhu cầu định cư, làm việc, nghiên cứu, học tập, công nhận đạt chuẩn đầu vào, đầu ra trong chương trình đào tạo đối với sinh viên quốc tế tại nước sử dụng ngôn ngữ được thi cấp chứng chỉ là ngôn ngữ chính thức.</p> <p>- Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài có giá trị sử dụng phổ biến trên thế giới khi được nhiều nước công nhận hoặc sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 16/2025 hoặc được tổ chức thi cấp chứng chỉ tại nhiều nước trên thế giới.</p> <p>- Việc phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài không bao gồm việc công nhận các cấp độ của chứng chỉ năng lực ngoại ngữ đó tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để sử dụng trong hệ thống giáo dục quốc dân.</p>
II. Thông tư 18/2025/TT-BGDĐT	
1. Tên văn bản	Thông tư 18/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15/9/2025 hướng dẫn về công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 về hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông Thay thế Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 hướng dẫn công tác xã hội trong trường học
3. Thời điểm có hiệu lực	31/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học là hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học giải quyết các vấn đề về học tập; giới, quan hệ xã hội; tâm lý; kỹ năng sống; hướng nghiệp, việc làm, khởi nghiệp; chính sách, pháp luật; dịch vụ công tác xã hội và các vấn đề tư vấn, hỗ trợ khác.</p> <p>- Mục đích công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học là:</p> <p>+ Nâng cao năng lực cho người học trong phòng ngừa, nhận diện khó khăn, giải quyết và tìm kiếm sự trợ giúp phù hợp để khắc phục khó khăn về học tập, tâm lý và quan hệ xã hội.</p> <p>+ Rèn luyện kỹ năng sống, tăng cường ý chí, bản lĩnh, nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần; hình thành thái độ ứng xử phù hợp trong quan hệ xã hội, góp phần hoàn thiện nhân cách của người học.</p> <p>+ Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội và</p>

	<p>các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan về công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học.</p> <p>- Nguyên tắc thực hiện công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học là:</p> <p>+ Bảo đảm quyền lợi hợp pháp, an toàn và bảo mật thông tin, quyền được tham gia, tự nguyện, tự quyết định của người học.</p> <p>+ Người học là trung tâm, không phân biệt đối xử; bảo đảm bình đẳng, khách quan, chuẩn mực giữa người học với người thực hiện công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học.</p> <p>+ Tập trung vào điểm mạnh, tôn trọng đặc điểm, hoàn cảnh cá nhân của người học; tận dụng nguồn lực sẵn có của người học, nhà trường, gia đình, xã hội; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa vùng miền của từng địa phương.</p> <p>+ Bảo đảm được thực hiện kịp thời khi người học gặp khó khăn, có nhu cầu cần tư vấn, hỗ trợ và có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.</p>
III. Thông tư 19/2025/TT-BGDĐT	
1. Tên văn bản	Thông tư 19/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành ngày 15/9/2025 quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Thông tư 08/TT năm 1988 hướng dẫn về khen thưởng và thi hành kỷ luật học sinh các trường phổ thông do Bộ Giáo dục ban hành
3. Thời điểm có hiệu lực	31/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quy định 05 hình thức khen thưởng và 04 biện pháp kỷ luật học sinh trong nhà trường từ ngày 31/10/2025 như sau:</p> <p>* Hình thức khen thưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên dương trước lớp - Tuyên dương trước toàn nhà trường - Giấy khen của hiệu trưởng - Thư khen - Hình thức tuyên dương, khen thưởng khác <p>* Biện pháp kỷ luật</p> <p>** Các biện pháp kỷ luật đối với học sinh tiểu học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc nhở; - Yêu cầu xin lỗi.

	<p>** Các biện pháp kỷ luật đối với học sinh ngoài đối tượng học sinh tiểu học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc nhở; - Phê bình; - Yêu cầu viết bản tự kiểm điểm. <p>* Hành vi và mức độ vi phạm để xem xét kỷ luật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành vi vi phạm + Hành vi bị nghiêm cấm đối với học sinh trong cơ sở giáo dục quy định tại Luật Giáo dục. + Hành vi vi phạm quy định của nhà trường, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. - Mức độ vi phạm <p>Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên căn cứ tính chất, hậu quả của hành vi vi phạm để xác định mức độ vi phạm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mức độ 1 là vi phạm có tác hại đến bản thân học sinh; + Mức độ 2 là vi phạm có ảnh hưởng tiêu cực trong phạm vi nhóm, lớp; + Mức độ 3 là vi phạm có ảnh hưởng tiêu cực trong phạm vi nhà trường. <p>Quy định khen thưởng và kỷ luật trên áp dụng đối với học sinh trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường chuyên, trường năng khiếu, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung cấp, trường cao đẳng có học sinh học chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông.</p>
--	--

LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG

I. Thông tư 49/2025/TT-BNNMT

1. Tên văn bản	Thông tư 49/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày 19/8/2025 quy định kỹ thuật công tác thi công công trình khoan trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Không
3. Thời điểm có hiệu lực	19/8/2025

<p>4. Nội dung chính lưu ý</p>	<p>Điều 9 Thông tư 49/2025/TT-BNNMT quy định báo cáo kết quả điều tra, đánh giá khoáng sản cát, sỏi lòng sông, lòng hồ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung công việc lập báo cáo kết quả điều tra khoáng sản cát, sỏi lòng sông, lòng hồ: + Xử lý, tổng hợp tài liệu tất cả các dạng công việc của đề án đã thực hiện; + Thành lập các bản vẽ, thuyết minh kèm theo bảo đảm phản ánh đúng thực tế địa chất khoáng sản tại khu vực điều tra; + Tính tài nguyên khoáng sản cấp 334a; + Khoanh định các khu vực có triển vọng, đề xuất chuyển sang giai đoạn đánh giá; + Tính toán chi phí đã thực hiện; + Viết báo cáo kết quả đề án. - Nội dung công việc lập báo cáo kết quả đánh giá khoáng sản cát, sỏi lòng sông, lòng hồ + Xử lý, tổng hợp tài liệu tất cả các dạng công việc của đề án đã thực hiện; + Thành lập các bản vẽ, thuyết minh kèm theo bảo đảm phản ánh đúng thực tế địa chất khoáng sản tại khu vực đánh giá; Tính tài nguyên khoáng sản cấp 333; + Dự báo cân bằng, dịch chuyển vật liệu trầm tích đáy sông; + Xác định khả năng, lĩnh vực sử dụng khoáng sản cát, sỏi lòng sông, lòng hồ; đề xuất phương pháp, công nghệ khai thác phù hợp; + Khoanh định các khu vực có triển vọng, đề xuất chuyển sang thăm dò, khai thác; + Tính toán chi phí đã thực hiện; + Viết báo cáo kết quả đề án. - Nội dung, hình thức trình bày báo cáo kết quả: + Mẫu báo cáo kết quả thực hiện theo quy định tại Thông tư 33/2025/TT-BNNMT; + Nội dung thể hiện và yêu cầu khoa học đối với các bản đồ chuyên môn và báo cáo thuyết minh đi kèm thực hiện theo quy định kỹ thuật chuyên ngành.
---------------------------------------	--

II. Thông tư 50/2025/TT-BNNMT	
1. Tên văn bản	Thông tư 50/2025/TT-BTNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày 19/8/2025 quy định kỹ thuật công tác thi công công trình khoan trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra về khoáng sản và thăm dò khoáng sản
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Không
3. Thời điểm có hiệu lực	03/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Điều 23 Thông tư 50/2025/TT-BNNMT công tác an toàn lao động trong thi công công trình khoan điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động và yêu cầu sau đây:</p> <p>(1) Người lao động trực tiếp làm việc tại công trình cần đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp phù hợp với công việc đảm nhận, được trang bị đầy đủ kiến thức về an toàn và bảo hộ lao động theo quy định.</p> <p>(2) Hệ thống máy móc, thiết bị và tháp khoan được lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa theo đúng yêu cầu kỹ thuật và định kỳ theo quy định. Các bộ phận truyền động được lắp đặt rào chắn bảo vệ. Cần ống và dụng cụ khoan được kiểm tra thường xuyên, định kỳ để bảo đảm an toàn trong quá trình thi công.</p> <p>(3) Tại công trường thi công cần bố trí đầy đủ biển báo, nội quy an toàn, nội quy ra vào, nội quy làm việc, biển cảnh báo tại các vị trí nguy hiểm; bố trí người cảnh giới, bảo vệ theo quy định.</p> <p>(4) Đối với khoan máy trên biển và bãi triều:</p> <p>(i) Không di chuyển, xây lắp hoặc nâng hạ giàn khoan khi sóng biển vượt quá cấp 3 hoặc vào ban đêm (trừ trường hợp đặc biệt nhằm phòng tránh mưa bão và cần có kế hoạch chi tiết kèm theo). Không thi công khoan trong điều kiện mưa dông hoặc khi gió mạnh vượt quá cấp 5;</p> <p>(ii) Các trang thiết bị phục vụ cứu sinh, cứu hỏa và thông tin liên lạc (như áo phao cá nhân, phao cứu sinh, xuống cao su hoặc bè xốp, bình chữa cháy dạng bột, khí,...), luôn được kiểm tra, bảo dưỡng và duy trì trong trạng thái sẵn sàng hoạt động;</p>

	<p>(iii) Không neo tàu trực tiếp vào giàn khoan. Tàu hậu cần và tàu kéo hạn chế tối đa việc cập mạn giàn khoan khi sóng biển cao trên 0,4 m; trong trường hợp cần thiết, sử dụng thuyền nhỏ để tiếp cận giàn khoan nhằm bảo đảm an toàn;</p> <p>(iv) Bố trí đầy đủ hệ thống đèn báo hiệu và cảnh báo khu vực thi công khoan; bố trí tàu tuần tra để theo dõi, giám sát tình trạng và bảo vệ giàn khoan trong suốt quá trình thi công. Tàu tuần tra định kỳ 2 giờ thực hiện chạy chậm quanh giàn khoan từ 1 vòng đến 2 vòng ở khoảng cách từ 50 m đến 100 m, nhằm hỗ trợ cán bộ an toàn quan sát tình trạng giàn khoan và cảnh báo kịp thời cho các phương tiện thủy, tàu cá không tiếp cận gần khu vực khoan;</p> <p>(v) Trong suốt quá trình thi công khoan biển bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt giữa cơ sở hậu cần trên bờ với giàn khoan và giữa giàn khoan với các tàu phục vụ. Tại cơ sở hậu cần trên bờ, bố trí một máy thu phát vô tuyến hàng hải có người trực liên tục để duy trì liên lạc với máy bộ đàm trên các tàu phục vụ. Trên giàn khoan trang bị ít nhất một loa phóng thanh và 01 đến 02 bộ đàm để bảo đảm liên lạc hiệu quả với cơ sở hậu cần, tàu phục vụ và các tàu hoạt động trong khu vực thi công.</p>
--	--

III. Thông tư 51/2025/TT-BNNMT

1. Tên văn bản	Thông tư 51/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và môi trường ban hành ngày 22/8/2025 quy định kỹ thuật đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng bề mặt
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Thông tư 37/2016/TT-BTNMT ngày 15/12/2016 quy định kỹ thuật đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng bề mặt
3. Thời điểm có hiệu lực	22/8/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Hướng dẫn về phương pháp đánh giá tài liệu khí tượng bề mặt với nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, kiểm soát tài liệu khí tượng bề mặt. - Đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng bề mặt bằng phương pháp tính điểm, dựa vào điểm chuẩn, điểm trừ và chỉ số điểm chất lượng của tài liệu để phân loại theo mức tốt, khá, trung bình và kém. Trong đó: <p>+ Điểm chuẩn được tính là 100 điểm, được xác định trên từng hạng mục</p>

	<p>đánh giá chất lượng tài liệu; tổng số điểm trừ không vượt quá điểm chuẩn trong từng nội dung đánh giá;</p> <p>+ Điểm trừ được tính cho mỗi lỗi thiếu hoặc sai và được xác định trên cơ sở phân tích và đánh giá những sai sót về quan trắc, công trình, phương tiện đo và tính toán, thống kê số liệu từ các nguồn tài liệu quy định tại Điều 5 Thông tư 51/2025/TT-BNNMT. Khi đánh giá chất lượng tài liệu của một yếu tố quan trắc có những sai sót do kết quả của các phép tính toán từ những sai sót kéo theo (dây chuyền) mà kết quả cuối cùng của yếu tố đó không ảnh hưởng nhiều đến chất lượng chung của tài liệu điểm trừ chỉ tính một lần;</p> <p>+ Điểm chất lượng (ĐCL) tài liệu khí tượng bề mặt được tính bằng điểm chuẩn (ĐC) trừ tổng điểm trừ (ĐT);</p> <p>- Công thức tính điểm chất lượng tài liệu khí tượng bề mặt như sau:</p> $\text{ĐCL} = \text{ĐC} - \Sigma \text{ĐT}$ <p>Lưu ý: Các tổ chức, cá nhân đã được phê duyệt nhiệm vụ cho hoạt động đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng bề mặt của các trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trước ngày Thông tư 51/2025/TT-BNNMT có hiệu lực đã tuân thủ theo các quy định của Thông tư 37/2016/TT-BTNMT thì tiếp tục thực hiện theo các Quyết định phê duyệt nhiệm vụ cho hoạt động đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng bề mặt của các trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia. Trường hợp thực hiện điều chỉnh theo các nhiệm vụ sau ngày Thông tư 51/2025/TT-BNNMT có hiệu lực thì phải tuân thủ theo Thông tư quy định kỹ thuật này.</p>
--	---

IV. Thông tư 52/2025/TT-BNNMT

1. Tên văn bản	Thông tư 52/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày 25/8/2025 quy định kỹ thuật quan trắc tài nguyên nước và cảnh báo, dự báo nguồn nước
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Thông tư 19/2013/TT-BTNMT ngày 18/7/2013 quy định kỹ thuật quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành
3. Thời điểm có hiệu lực	10/10/2025
4. Nội dung	Yêu cầu chung về quan trắc tài nguyên nước và cảnh báo, dự báo nguồn

<p>chính lưu ý</p>	<p>nước gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan trắc tài nguyên nước phải đảm bảo việc cung cấp thường xuyên, kịp thời thông tin, số liệu về mực nước, lưu lượng, chất lượng nước phục vụ các mục đích cảnh báo, dự báo nguồn nước và các yêu cầu của công tác quản lý tài nguyên nước. - Cảnh báo, dự báo nguồn nước được thực hiện bằng một hoặc nhiều phương pháp (giải tích; thống kê; mô hình). Kết quả cảnh báo, dự báo nguồn nước được tổng hợp theo lưu vực sông, tiểu lưu vực sông, tiểu vùng trong quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, phạm vi hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại các vị trí cảnh báo, dự báo nguồn nước. - Thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên nước phải được quản lý, lưu trữ, cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và bảo đảm cung cấp, chia sẻ phục vụ công tác cảnh báo, dự báo nguồn nước. Hình thức truyền tin, chia sẻ thông tin cảnh báo, dự báo nguồn nước phải đảm bảo phù hợp với đối tượng nhận tin và hạ tầng truyền tin, chia sẻ thông tin. - Chuỗi thông tin, số liệu phục vụ dự báo nguồn nước phải đảm bảo tối thiểu 20 năm. Trường hợp không đủ 20 năm thì thực hiện các phương pháp kéo dài số liệu phù hợp với từng điều kiện cụ thể. - Bản tin cảnh báo, dự báo nguồn nước phải bảo đảm việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về trạng thái, xu thế diễn biến, diễn biến bất thường của nguồn nước nhằm giúp cơ quan quản lý về tài nguyên nước và người dân có các biện pháp ứng phó hiệu quả.
---------------------------	--

LĨNH VỰC THỂ THAO – Y TẾ

I. Nghị định 207/2025/NĐ-CP

<p>1. Tên văn bản</p>	<p>Nghị định 207/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/7/2025 quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo</p>
<p>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Thay thế Nghị định 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo</p> <p>Thay thế nghị định 98/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi, bổ sung</p>

	Nghị định 10/2025/NĐ-CP quy định về việc sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo
3. Thời điểm có hiệu lực	01/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Căn cứ theo quy định tại Điều 10 Nghị định 207/2025/NĐ-CP quy định về điều kiện của cơ sở được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động theo hình thức bệnh viện có phạm vi hoạt động chuyên khoa phụ sản, có khả năng thực hiện xét nghiệm nội tiết sinh sản và các kỹ thuật cấp cứu sản khoa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế. - Có đơn nguyên riêng để thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm gồm các phòng: chọc hút noãn, chuyển phôi; lấy tinh trùng; xét nghiệm và lọc rửa tinh trùng; Lab thụ tinh trong ống nghiệm. - Có các thiết bị y tế phù hợp với kỹ thuật hỗ trợ sinh sản mà cơ sở thực hiện, tối thiểu gồm: tủ cấy; tủ âm; thiết bị lưu trữ tinh trùng, noãn, phôi; thiết bị ly tâm; máy siêu âm; kính hiển vi đảo ngược, kính hiển vi soi nổi và thiết bị thực hiện các kỹ thuật vi thao tác; tủ an toàn sinh học cấp độ 2 trở lên. - Nhân sự: <ul style="list-style-type: none"> + Có tối thiểu 02 người hành nghề có chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa và có văn bằng hoặc chứng nhận đào tạo về kỹ năng lâm sàng thụ tinh trong ống nghiệm kèm theo xác nhận đã trực tiếp thực hiện ít nhất 20 chu kỳ điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định 207/2025 cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 207/2025; + Có tối thiểu 02 người có trình độ đại học về một trong các lĩnh vực y, dược hoặc sinh học, công nghệ sinh học và có văn bằng hoặc chứng nhận đào tạo về kỹ năng thực hành trong Lab thụ tinh trong ống nghiệm kèm theo xác nhận đã trực tiếp thực hiện ít nhất 20 chu kỳ điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định 207/2025 cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 207/2025; + Các nhân sự quy định tại Khoản này phải là nhân sự làm việc toàn

	<p>thời gian tại bệnh viện.</p> <p>- Các văn bằng, chứng nhận đào tạo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định 207/2025 phải được cấp bởi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong nước hoặc nước ngoài.</p> <p>Trường hợp cơ sở cấp văn bằng, chứng nhận đào tạo là cơ sở trong nước thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó phải được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm, đã thực hiện ít nhất 1.000 chu kỳ điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và là cơ sở cập nhật kiến thức y khoa liên tục.</p> <p>Trường hợp cơ sở cấp văn bằng, chứng nhận đào tạo là cơ sở ở nước ngoài thì cơ quan cấp phép thực hiện việc đánh giá thực tế năng lực thực hiện kỹ thuật trong quá trình thẩm định.</p>
II. Thông tư 38/2025/TT-BYT	
1. Tên văn bản	Thông tư 38/2025/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 13/8/2025 quy định chi tiết một số điều của nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 57/2015/TT-BYT ngày 30/12/2015 hướng dẫn Nghị định 10/2015/NĐ-CP quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo
3. Thời điểm có hiệu lực	01/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quy định tiêu chuẩn sức khỏe của người nhận tinh trùng, noãn, phôi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận tinh trùng, noãn, phôi không đang mắc: + Các bệnh hoặc tình trạng bất thường cơ quan sinh dục ở mức độ không thể mang thai; + Các bệnh mà khi mang thai có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của người phụ nữ; + Các bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình. - Người đang mắc các bệnh cấp tính phải trì hoãn việc chuyển phôi cho đến khi điều trị ổn định. - Người đứng đầu cơ sở được thực hiện thụ tinh trong ống nghiệm hoặc

	<p>người được ủy quyền hợp pháp có trách nhiệm tổ chức, thực hiện việc khám, hội chẩn, kết luận đủ điều kiện sức khỏe để nhận tinh trùng, noãn, phôi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư 38/2025.</p> <p>Tại Điều 5 Nghị định 207/2025 quy định điều kiện của người nhận tinh trùng, nhận noãn, nhận phôi để sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận tinh trùng: <ul style="list-style-type: none"> + Người vợ trong cặp vợ chồng đang điều trị vô sinh mà nguyên nhân vô sinh là do người chồng + Phụ nữ độc thân có nhu cầu sinh con và noãn của họ bảo đảm chất lượng để thụ thai. - Người nhận noãn: Là người Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam, hoặc người nước ngoài có chồng là người Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam và là người vợ trong cặp vợ chồng đang điều trị vô sinh mà nguyên nhân vô sinh là do người vợ không có noãn hoặc noãn không bảo đảm chất lượng để thụ thai. - Người nhận phôi phải thuộc một trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Người vợ trong cặp vợ chồng đang điều trị vô sinh mà nguyên nhân vô sinh là do cả người vợ và người chồng; + Người vợ trong cặp vợ chồng đang điều trị vô sinh mà vợ chồng đã thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm nhưng bị thất bại, trừ trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; + Phụ nữ độc thân mà không có noãn hoặc noãn không bảo đảm chất lượng để thụ thai.
--	--

III. Quyết định 2922/QĐ-BYT

1. Tên văn bản	Quyết định 2922/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 15/9/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực dân số, bà mẹ - trẻ em thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Bãi bỏ các các Quyết định: Quyết định số 4691/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ y tế trong lĩnh vực dân số và kế hoạch hóa gia đình; Quyết định số 3297/QĐ-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành được quy định tại Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10

	<p>năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung điều 2 thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh; Quyết định số 5975/QĐ-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em (Dân số-KHHGĐ) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế tại Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27/9/2019.</p>
<p>3. Thời điểm có hiệu lực</p>	<p>01/10/2025</p>
<p>4. Nội dung chính lưu ý</p>	<p>Quy định về trình tự thủ tục Cấp Giấy chứng sinh tại cấp trung ương, tỉnh, xã như sau:</p> <p>*Trường hợp 1: Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc nhân viên y tế thôn, bản hoặc cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ</p> <p>+ Bước 1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm trẻ sinh ra sống, thân nhân của trẻ nộp tờ khai đề nghị cấp giấy chứng sinh theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 22/2025/TT-BYT cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi quản lý người đỡ đẻ và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người mẹ sinh ra trẻ để đối chiếu;</p> <p>+ Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai đề nghị cấp giấy chứng sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm xác minh thông tin về người đỡ đẻ, người mẹ sinh ra trẻ, trẻ sơ sinh và cấp giấy chứng sinh cho trẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 22/2025.</p> <p>Trường hợp không xác minh được thông tin hoặc thông tin không chính xác thì không cấp giấy chứng sinh.</p> <p>*Trường hợp 2: Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ</p> <p>- Nếu trẻ sinh ra tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật mang thai hộ cho người sinh ra trẻ:</p> <p>+ Bước 1. Bên cha mẹ đẻ (Bên nhờ mang thai hộ) hoặc Bên mang thai hộ hoặc thân nhân của trẻ nộp Hồ sơ cho cơ sở y tế nơi trẻ sinh ra.</p> <p>+ Bước 2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp giấy chứng sinh theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 22/2025 cho trẻ trước khi trẻ ra khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc sớm hơn theo đề nghị của thân nhân của trẻ.</p>

	<p>- Nếu trẻ sinh ra tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phải cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã thực hiện kỹ thuật mang thai hộ cho người sinh ra trẻ:</p> <p>+ Bước 1. Bên cha mẹ đẻ (Bên nhờ mang thai hộ) hoặc Bên mang thai hộ hoặc thân nhân của trẻ nộp Hồ sơ cho cơ sở y tế nơi trẻ sinh ra bản xác nhận về việc thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật mang thai hộ theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 22/2025 và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người mẹ sinh ra trẻ để đối chiếu.</p> <p>+ Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được bản xác nhận về việc thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra cấp giấy chứng sinh theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 22/2025.</p>
IV. Thông tư 22/2025/TT-BYT	
1. Tên văn bản	Thông tư 22/2025/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 28/6/2025 quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	<p>Thay thế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh; - Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh; - Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh.
3. Thời điểm có hiệu lực	01/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Trình tự thủ tục cấp lại giấy chứng sinh kể từ ngày 01/10/2025 được quy định tại Điều 4 Thông tư 22/2025/TT-BYT cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp được cấp lại giấy chứng sinh: giấy chứng sinh đã được cấp có nhầm lẫn, thiếu thông tin; giấy chứng sinh bị mất, rách, nát. - Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh bao gồm các giấy tờ sau:

	<p>+ Tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng sinh theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 22/2025/TT-BYT;</p> <p>+ Giấy chứng sinh đã cấp (trừ trường hợp đề nghị cấp lại do mất);</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh liên quan đến nội dung nhầm lẫn hoặc còn thiếu đối với trường hợp cấp lại do nhầm lẫn, thiếu thông tin.</p> <p>- Thủ tục cấp lại giấy chứng sinh:</p> <p>+ Người mẹ sinh ra trẻ trực tiếp nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 22/2025/TT-BYT cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã cấp giấy chứng sinh cho trẻ lần đầu và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người mẹ để đối chiếu. Trường hợp người đề nghị không phải là người mẹ đã sinh ra trẻ thì phải xuất trình giấy ủy quyền hợp pháp.</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm cấp lại giấy chứng sinh cho trẻ. Trường hợp không xác minh được thông tin của người mẹ hoặc thông tin không chính xác thì không cấp lại giấy chứng sinh.</p> <p>+ Mã số giấy chứng sinh cấp lại phải sử dụng mã số của giấy chứng sinh cũ đã cấp. Giấy chứng sinh cấp lại được lưu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh.</p>
--	---

LĨNH VỰC KHÁC

I. Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025

1. Tên văn bản	Luật số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc Hội ban hành Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Luật Khoa học và công nghệ 2013
3. Thời điểm có hiệu lực	01/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>trách nhiệm được miễn, loại trừ trong hoạt động khoa học, công nghệ được quy định như sau:</p> <p>Trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát, trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro, việc miễn, loại trừ trách nhiệm trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm có kiểm soát; tổ chức, cá nhân trực tiếp, tham gia thẩm định, cấp phép, đánh giá thử nghiệm có kiểm soát được miễn, loại trừ các trách nhiệm khi đã thực hiện đúng,</p>

	<p>đầy đủ các quy định về thử nghiệm có kiểm soát tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025 và quy định của pháp luật về thử nghiệm có kiểm soát, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung, trừ trường hợp đã biết hoặc buộc phải biết về nguy cơ rủi ro đối với quá trình thử nghiệm có kiểm soát nhưng không áp dụng đầy đủ biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra.</p> <p>Các trách nhiệm được miễn, loại trừ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Miễn trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác trong quá trình thẩm định, cấp phép, kiểm soát, đánh giá thử nghiệm có kiểm soát; + Loại trừ trách nhiệm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; + Loại trừ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự đối với rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ; <p>- Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép tiến hành thử nghiệm có kiểm soát, cá nhân thực hiện thử nghiệm có kiểm soát được miễn, loại trừ trách nhiệm khi đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025 và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ trường hợp đã biết hoặc buộc phải biết về nguy cơ rủi ro nhưng không kịp thời thông tin, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nguy cơ rủi ro phát sinh trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra.</p> <p>Các trách nhiệm được miễn, loại trừ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Miễn trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước nhưng phải chịu trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho tổ chức, cá nhân khác trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát; + Loại trừ trách nhiệm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; + Loại trừ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự đối với rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ.
--	---

II. Nghị định 234/2025/NĐ-CP

1. Tên văn bản	Nghị định 234/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 27/8/2025 quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tàu quân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Nghị định 104/2012/NĐ-CP ngày 05/12/2012 của Chính phủ quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

3. Thời điểm có hiệu lực	12/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Các hoạt động tàu quân sự nước ngoài không được thực hiện khi đến Việt Nam bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xâm phạm độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Thu thập tình báo, quay phim, chụp ảnh, vẽ cảnh đồ ở khu vực cấm và những hành vi khác, gây phương hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Tuyên truyền, phát tán tài liệu, sách báo, phim ảnh, văn hóa phẩm mà chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng Việt Nam. - Vận chuyển vũ khí giết người hàng loạt, các chất phóng xạ, chất độc hóa học, chất độc sinh học, chất ma túy. - Đưa người, hàng hóa và phương tiện xuống hoặc rời tàu trái với quy định của pháp luật Việt Nam về nhập cảnh, xuất cảnh, xuất nhập khẩu trừ trường hợp cứu người bị nạn nhưng sau đó phải thông báo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành Việt Nam có thẩm quyền tại cảng biển. - Phóng đi, tiếp nhận hay xếp lên tàu bất kỳ phương tiện bay hay khí tài quân sự mà chưa được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng Việt Nam. - Các hoạt động nghiên cứu, đo đạc, đánh bắt hải sản, trao đổi mua bán hoặc gây nhiễu hệ thống thông tin liên lạc, radar, cản trở giao thông vận tải mà chưa được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. - Gây ô nhiễm môi trường, làm hư hại các thiết bị, công trình trên biển và ở cảng biển. - Sử dụng thợ lặn hoặc các thiết bị lặn ngầm khác dưới nước khi chưa được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng Việt Nam cho phép. - Tự động di chuyển cập mạn tàu khác, đi vào khu vực cấm. - Gây mất trật tự công cộng, cản trở hoặc chống lại việc thực thi nhiệm vụ của nhà chức trách Việt Nam. - Huấn luyện, diễn tập, thao diễn và trình diễn với các loại vũ khí, phương tiện bay, khí tài quân sự mà chưa được phép của Bộ Quốc phòng Việt Nam. - Các hoạt động ngoài kế hoạch hai bên thống nhất và các hoạt động khác mà pháp luật Việt Nam cấm.
III. Nghị định 235/2025/NĐ-CP	
1. Tên văn bản	Nghị định 235/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 27/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày

	21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 về khuyến nông; Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
3. Thời điểm có hiệu lực	15/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất vào các ngành nghề, lĩnh vực sau đây được hưởng chính sách khuyến công theo quy định tại Điều 4 Nghị định 45/2012 (sửa đổi bởi Nghị định 235/2025):</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm. (ii) Công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, thay thế hàng nhập khẩu. (iii) Công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp; sản xuất vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản; công nghệ sinh học, công nghiệp môi trường, các ngành chuyển đổi từ công nghiệp xanh, công nghiệp giảm phát thải và cacbon thấp, công nghiệp năng lượng thân thiện môi trường. (iv) Công nghiệp cơ khí; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp dệt may, da giày; công nghiệp công nghệ cao, sạch, tiêu tốn ít năng lượng, mang lại giá trị gia tăng cao, phát triển bền vững. (v) Nghề tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ tại địa phương cần được bảo tồn, phát triển. (vi) Áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn. (vii) Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. <p>Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu của công tác khuyến công trong từng thời kỳ, Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề được hưởng các chính sách quy định nêu trên.</p>
IV. Thông tư 101/2025/TT-BQP	
1. Tên văn bản	Thông tư 101/2025/TT-BQP của Bộ Quốc phòng ban hành ngày 13/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư về điều tra, khảo

	sát, rà phá bom mìn vật nổ
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	<p>Sửa đổi, bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 59/2022/TT-BQP ngày 30/8/2022 ban hành quy chuẩn QCVN 01:2022/BQP, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rà phá bom mìn vật nổ - Thông tư 122/2021/TT-BQP ngày 20/9/2021 hướng dẫn xác định đơn giá ca máy và thiết bị thi công rà phá bom mìn vật nổ - Thông tư 123/20221/TT-BQP ngày 20/9/2021 hướng dẫn xác định định mức dự toán và quản lý chi phí trong dự toán rà phá bom mìn vật nổ - Thông tư 121/2021/TT-BQP ngày 20/9/2021 về quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ - Thông tư 195/2019/TT-BQP ngày 27/12/2019 hướng dẫn Nghị định 18/2019/NĐ-CP về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh
3. Thời điểm có hiệu lực	28/10/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Lập chương trình, kế hoạch khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ cấp quốc gia như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành động bom mìn quốc gia Việt Nam (VNMAC) chịu trách nhiệm lập, trình Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính) chương trình, kế hoạch khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh cấp quốc gia trước ngày 10 tháng 6 năm cuối của chương trình. Hình thức nộp hồ sơ: Trực tiếp hoặc bằng văn bản điện tử thông qua trực liên thông văn bản quốc gia. - Thời hạn của chương trình khắc phục hậu quả bom mìn cấp quốc gia phù hợp với thời hạn chiến lược phát triển kinh tế xã hội quốc gia trong từng thời kỳ <p>**Hồ sơ gửi thẩm định chương trình, kế hoạch cấp quốc gia gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình Thủ tướng Chính phủ; - Dự thảo chương trình, kế hoạch khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ; - Bản tổng hợp, giải trình ý kiến tham gia của tổ chức, cá nhân; - Các văn bản hồ sơ, tài liệu khác có liên quan. <p>**Trình phê duyệt chương trình khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ cấp quốc gia như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cục Tài chính Bộ Quốc phòng: Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ

	<p>ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, bảo đảm chất lượng do Trung tâm Hành động bom mìn quốc gia Việt Nam gửi, Cục Tài chính Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để hoàn chỉnh chương trình, kế hoạch báo cáo Bộ Quốc phòng, gửi Bộ Tài chính thẩm định.</p> <p>Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định của Bộ Tài chính, Cục Tài chính Bộ Quốc phòng hoàn chỉnh chương trình, kế hoạch khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ cấp quốc gia báo cáo Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none">- Hồ sơ trình phê duyệt gồm các văn bản được quy định ở trên và báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định;- Thời hạn trình phê duyệt: Trước ngày 15 tháng 8 năm cuối đối với chương trình khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ; trước ngày 15 tháng 8 hàng năm đối với kế hoạch khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ.
--	---

Lưu ý: Bản tin này nhằm cung cấp các thông tin cập nhật về văn bản pháp luật mới được ban hành mà không nhằm mục đích cung cấp các tư vấn pháp lý. Nếu quý khách có nhu cầu tư vấn, hướng dẫn chi tiết về các quy định của những văn bản pháp luật nêu trên hoặc cung cấp văn bản miễn phí, xin vui lòng liên hệ Công ty Luật TNHH Trần Vũ qua số tổng đài tư vấn (84-24) 73 001 048 hoặc gửi email tư vấn đến info@tranvulawfirm.vn.